

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2026/HS-ST

Ngày: 23 - 3 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Hành, Hiệu trưởng Trường THCS Hải Ninh xã Ninh Châu, tỉnh Quảng Trị..

2. Ông Trương Hải Nam, Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Lệ Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Xuân Thủy, Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 4 -Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Huế, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 13/2026/HSST ngày 09 tháng 02 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2026/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2026/QĐ-HSST ngày 10 tháng 3 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thời P, sinh ngày 01/6/2006. Nơi cư trú: Thôn V, xã T, tỉnh Quảng; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn C đi khỏi nơi cư trú và T1 hoãn xuất cảnh từ ngày 02/01/2025 cho đến nay, theo Giấy triệu tập có mặt tại phiên tòa.

2. Mai Phúc V, sinh ngày 02/8/2004. Nơi cư trú: Thôn X, xã L, tỉnh Quảng Trị; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Mai Phúc L và bà Nguyễn Thị Thanh T2; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn C đi khỏi nơi cư trú và T1 hoãn xuất cảnh từ ngày 02/01/2025 cho đến nay, theo Giấy triệu tập có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Văn Nhật T3, sinh ngày 18/10/2006. Nơi cư trú: Thôn V, xã T, tỉnh Quảng Trị; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Văn L1 và bà Lê Thị Thanh H1; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn C đi khỏi nơi cư trú và T1 hoãn xuất cảnh từ ngày 02/01/2025 cho đến nay, theo Giấy triệu tập có mặt tại phiên tòa.

4. Trần Hải N, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2007 (Tính đến ngày phạm tội 17 tuổi 14 ngày). Nơi cư trú: Thôn P, xã T, tỉnh Quảng Trị; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Trần Văn Đ và bà Phạm Thị B; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn C đi khỏi nơi cư trú và T1 hoãn xuất cảnh từ ngày 19/01/2026 cho đến nay, theo Giấy triệu tập có mặt tại phiên tòa.

5. Trần Ngọc H2, sinh ngày 12 tháng 9 năm 2006. Nơi cư trú: Thôn V, xã T, tỉnh Quảng Trị; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Trần Ngọc D và bà Nguyễn Thị T4; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn C đi khỏi nơi cư trú và T1 hoãn xuất cảnh từ ngày 19/01/2026 cho đến nay, theo Giấy triệu tập có mặt tại phiên tòa.

6. Hoàng Cảnh L6 sinh ngày 01 tháng 01 năm 2007 (Tính đến ngày phạm tội 17 tuổi 10 tháng). Nơi cư trú: Thôn U, xã L, tỉnh Quảng Trị; trình độ văn hóa: Lớp 07/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Hoàng C1 và bà Phan Thị L2; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn C đi khỏi nơi cư trú và T1 hoãn xuất cảnh từ ngày 14/8/2025 cho đến nay, theo Giấy triệu tập có mặt tại phiên tòa.

7. Phạm Quốc K, sinh ngày 29 tháng 9 năm 2004. Nơi cư trú: Thôn X, xã L, tỉnh Quảng Trị; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Phạm Văn T5 và bà Trần Thị L3; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn C đi khỏi nơi cư trú và T1 hoãn xuất cảnh từ ngày 19/01/2026 cho đến nay, theo Giấy triệu tập có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Nguyễn Xuân T6, sinh năm 2006; địa chỉ: Thôn X, xã T, tỉnh Quảng Trị; (hiện là biên chế thuộc Trung đoàn cảnh sát cơ động thủ đô - E22 thôn L, xã K, TP.), vắng mặt.

+ Hoàng Văn B1, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn X, xã T, tỉnh Quảng Trị, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Phan Thành Đ1, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn M, xã T, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

- Người làm chứng:

+ Nguyễn Văn H3, sinh năm 2007; địa chỉ: Thôn V, xã T, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

+ Mai Văn L4, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn M, xã T, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

+ Phan Trọng T7, sinh năm 2007; địa chỉ: Thôn P, xã T, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

+ Hoàng Huy C2, sinh năm 2007; địa chỉ: Thôn P, xã T, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

+ Lương Văn H4, sinh năm 2008; địa chỉ: Thôn M, xã T, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ 00 phút ngày 01 tháng 11 năm 2024, nhóm gồm Nguyễn Thời P, sinh năm 2006 trú tại xã T, tỉnh Quảng Trị, Mai Phúc V, sinh năm 2004, Hoàng Cảnh L6 sinh năm 2007, Phạm Quốc K sinh năm 2004, cùng trú tại xã L, tỉnh Quảng Trị cùng Đoàn Công T8 và Đặng Hải S (bạn của K) đến quán B2, tại thôn X, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình cũ (nay là thôn X, xã T, tỉnh Quảng Trị) để ăn nhậu.

Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, nhóm của P xuống tầng 1 để thanh toán tiền ra về. Tại đây, Nguyễn Thời P gặp Phan Thành Đ1, P có nói chuyện với Đ1 rồi hai bên lời qua tiếng lại thì được anh Hoàng Văn B1 (chủ quán) và mọi người can ngăn. Sau đó, nhóm của Nguyễn Thời P ra xe để về. Trong khi đó, tại một bàn nhậu khác ở tầng 2 của quán B2, nhóm của Trần Văn L5 (chủ tiệc sinh nhật) có Trần Hải N (bạn của L5) và Nguyễn Văn H3 đang dự sinh nhật. Do nghe thông tin nhóm của Hoàng Cảnh L6 có ý định đánh người và lo sợ bị đánh, Nguyễn Văn H3 đã sử dụng điện thoại gọi qua Facebook Messenger cho Trần Ngọc H2 nhờ đến quán B2 để đưa H3 về.

Nhận được điện thoại của H3, Trần Ngọc H2 đã rủ thêm Nguyễn Văn Nhật T3 và Nguyễn Xuân T6 cùng đi (T6 và T3 đang ngồi nhậu cùng với H2). T6 điều khiển xe mô tô của T3 (không BKS) chở T3 và H2. Trên đường đến quán B2, khi đến đoạn gần gác chắn đường tàu thuộc xã M, thấy bên đường có 02 tuýp sắt, H2 bảo T6 dừng xe để T3 và H2 xuống xe nhặt mỗi người một ống tuýp sắt (dài khoảng 1,5m) mang theo làm hung khí với mục đích nếu bị đánh sẽ đánh lại.

Khi nhóm T6, T3, H2 đến trước cổng quán B2 thì nhóm của P, L6, K đang đứng gần xe ô tô chuẩn bị ra về. Thấy T3 và H2 cầm theo ống tuýp sắt, Nguyễn Thời P, Hoàng Cảnh L6 đã có lời lẽ khiêu khích. Ngay sau đó, Nguyễn Thời P lao đến dùng tay nắm Nguyễn Văn Nhật T3 nhưng Tân tránh được. T3 liền dùng ống tuýp sắt mang theo đánh trả P. Thấy P bị đánh, cả nhóm P, V, L6, K cùng lao vào rượt đuổi T3 và H2. Do bị tấn công, T3 và H2 đã vút lại ống tuýp sắt và bỏ chạy theo các hướng khác nhau. Nguyễn Xuân T6 can ngăn thì bị Hoàng Cảnh L6 chửi bới và dùng chân đá vào người. Sau đó T6 cũng bỏ chạy.

Nghe tiếng ồn ào và thấy T6, T3, H2 bị đuổi đánh, lúc này Trần Hải N đang đứng trên tầng 2 của quán, thấy ở cửa sổ phòng ăn của quán có 01 con dao Thái Lan, N đến lấy con dao rồi chạy xuống, xông vào nhóm P thì bị Nguyễn Thời P và Hoàng Cảnh L6 xông vào ôm giữ, khống chế và dùng tay đánh. Mai Phúc V chạy đến, dùng ống tuýp sắt đánh vào vùng đầu của N làm N ngã gục xuống đường. Sau khi N ngã, Nguyễn Thời P tiếp tục dùng chân đá nhiều lần vào vùng đầu, mặt của N.

Sau đó, Hoàng Cảnh L6 tiếp tục có hành vi hò hét, chửi bới gây náo loạn tại khu vực sân quán B2. Nguyễn Thời P chạy vào khu vực bếp của quán B2 lấy 02 con dao. Mai Phúc V thấy vậy chạy theo và giật lại được 01 con dao từ tay P. P cầm con dao còn lại chạy ra ngoài đường thì bị Công an xã M đến ngăn chặn. Trần Hải N bị thương được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đ2, sau đó chuyển đến Bệnh viện T9 điều trị đến ngày 13/11/2024 thì ra viện.

Tại Kết luận giám định số 436 ngày 25/12/2024 của Trung tâm giám định y khoa - pháp y tỉnh Q đã kết luận, tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do các

thương tích gây ra của Trần Hải N là 09%. Các thương tích không gây nguy hiểm đến tính mạng.

Ngày 05/12/2024, Trần Hải N có đơn đề nghị không khởi tố vụ án hình sự về tội Cố ý gây thương tích. (BL: 319).

Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu:

Cơ quan điều tra đã tạm giữ 01 tuýp sắt hình tròn, rỗng bên trong, chiều dài 150cm, đường kính 6,5cm; 01 con dao cán gỗ, lưỡi bằng kim loại dài 35cm, cán gỗ dài 11cm, lưỡi dao dài 22cm, phần nối giữa cán gỗ và lưỡi dao được làm bằng gỗ có khung tròn, nẹp bằng kim loại màu vàng dài 02cm, mặt lưỡi dao có khắc dòng chữ LONGKA 0983039063; 01 con dao cán gỗ lưỡi kim loại có chiều dài 41cm, cán gỗ dài 12cm, lưỡi kim loại dài 19cm, mặt lưỡi dao khắc dòng chữ KIWI - BRAND MADE IN THAILAN; 01 xe mô tô không biển kiểm soát, số khung RLHHC09016Y258972, số máy HC09E - 6258954.

Về dân sự: Gia đình các bị cáo Nguyễn Thời P, Mai Phúc V đã hỗ trợ, bồi thường cho Trần Hải N với số tiền 35.000.000 đồng; gia đình bị cáo Mai Phúc V, Nguyễn Văn Nhật T3, Trần Ngọc H2, Trần Hải N đã hỗ trợ, bồi thường cho anh Hoàng Văn B1 (chủ quán B2) số tiền 3.000.000 đồng

Bản Cáo trạng số 26/CT-VKSNDKV4 ngày 05/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị truy tố các bị cáo Nguyễn Thời P, Mai Phúc V, Nguyễn Văn Nhật T3, Trần Hải N, Trần Ngọc H2 về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318; Hoàng Cảnh L6, Phạm Quốc K về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo khoản 1 Điều 318 Bộ luật hình sự. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – tỉnh Quảng Trị giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thời P từ 30 đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 5 năm.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 65/Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Mai Phúc V từ 27 đến 33 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 54 đến 60 tháng.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 65/Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Nhật T3 từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 65/Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Ngọc H2 từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 65, Điều 90, Điều 91, Điều 101/Bộ luật hình sự; Điều 124 và khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên số 59/2024 QH 15 ngày 30/11/2024 xử phạt bị cáo Trần Hải N từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 318, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65/Bộ luật hình sự; Điều 90, Điều 91, Điều 101/Bộ luật hình sự; Điều 124 và khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên số 59/2024 QH 15 ngày 30/11/2024 xử phạt bị cáo Hoàng Cảnh L6 từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách

từ 18 đến 24 tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 318, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều/65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Quốc K từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

+ Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy: 01 tuýp sắt, 02 cây dao cán gỗ là các công cụ phạm tội, cần tịch thu tiêu hủy theo quy định của pháp luật; trả lại cho Nguyễn Văn Nhật T3 01 xe mô tô không biển kiểm soát có số khung, số máy như mô tả tại biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu. Hiện các vật chứng trên đang bảo quản tại Kho vật chứng của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị và có đặc điểm mô tả, như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q và Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị lập ngày 13 tháng 10 năm 2025.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, các bị cáo, người bào chữa, người đại diện hợp pháp, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người đại diện hợp pháp, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do. Xét thấy sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án do họ đã có lời khai lưu trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào các Điều 292, 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, HĐXX xử quyết định xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[3] Về cấu thành tội phạm: Tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản xác định hiện trường vụ án, sơ đồ hiện trường vụ án, kết luận giám định, định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, HĐXX có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 01/11/2024, Trần Ngọc H2, Nguyễn Văn Nhật T3 cùng trú tại thôn V, xã T, tỉnh Quảng Trị mang hung khí đến quán B2 của anh Hoàng Văn B1 ở thôn X,

xã T, tỉnh Quảng Trị, sau đó đã xảy ra đánh nhau, rượt đuổi, hò hét giữa Nguyễn Thời P, Mai Phúc V, Hoàng Cảnh L6, Nguyễn Văn Nhật T3, Trần Ngọc H2, Trần Hải N, Phạm Quốc K, gây ồn ào, mất trật tự công cộng tại quán B2 của anh Hoàng Văn B1 cũng như khu vực xung quanh thuộc thôn X, xã T, tỉnh Quảng Trị. Bị cáo Nguyễn Thời P, Trần Hải N sử dụng dao, bị cáo Mai Phúc V, Nguyễn Văn Nhật T3, Trần Ngọc H2 dùng tuýp sắt để thực hiện hành vi gây rối, bị cáo Hoàng Cảnh L6, Phạm Quốc K có hành vi hò hét, chửi bới gây náo loạn tại nơi công cộng.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Thời P, Mai Phúc V, Nguyễn Văn Nhật T3, Trần Ngọc H2 và Trần Hải N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng” với tình tiết định khung tăng nặng “*dùng hung khí hoặc có hành vi phá phách*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Hoàng Cảnh L6 và Phạm Quốc K đã đủ yếu tố cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật hình sự. Do đó, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - tỉnh Quảng Trị và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về vai trò, tính chất đồng phạm, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo:

Xét về vai trò, mức độ thực hiện hành vi, trong vụ án các bị cáo Nguyễn Thời P, Mai Phúc Vinh Hoàng Cảnh L6 tích cực thực hiện hành vi gây rối, giữ vai trò chính so với các bị cáo còn lại, giữ vai trò không đáng kể. Xét về độ tuổi và nhận thức pháp luật, các bị cáo Trần Hải N và Hoàng Cảnh L6 là người chưa đủ 18 tuổi nên sự nhận thức và hiểu biết pháp luật còn hạn chế, nhận thức về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội chưa đầy đủ so với các bị cáo khác.

Về tính chất đồng phạm: Vụ án có 07 bị cáo tham gia, tuy nhiên trước khi phạm tội các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công vai trò, vị trí cho nhau, vì vậy tính chất đồng phạm chỉ mang tính giản đơn. Về mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội: Hành vi gây rối trật tự công cộng của các bị cáo đã thực hiện trong vụ án là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm nghiêm trọng đến trật tự an toàn công cộng, an toàn giao thông và các quy tắc sinh hoạt nơi cộng đồng. Hành vi của bị cáo đã gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, thể hiện sự coi thường pháp luật, gây hoang mang lo lắng và ảnh hưởng xấu đến hoạt động bình thường của người dân sinh sống trên địa bàn.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân:

Quá trình điều tra truy tố và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo Nguyễn Thời P gia đình bị cáo đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, bị cáo đã trực tiếp hỗ trợ, giúp đỡ bà con nhân dân vùng lũ lụt được chính quyền địa phương xác nhận, đây là các tình tiết quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Mai Phúc V gia đình bị cáo đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; bị cáo tích cực tham gia nhiều hoạt động xã hội tại địa phương, đặc biệt bị cáo đã cùng các lực lượng tham gia phòng chống dịch Covid 19 và trong đợt lũ năm 2020, bị cáo đã trực tiếp hỗ trợ, giúp đỡ bà con nhân dân vùng lũ lụt được chính quyền địa phương xác nhận, đây là các tình tiết quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn Nhật T3 đã tham

gia công tác cứu hộ, cứu nạn trong đợt lũ tháng 10/2020 được chính quyền địa phương xác nhận; gia đình bị cáo đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, đây là các tình tiết quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Trần Hải N đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, đây là các tình tiết quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội khi đang ở tuổi vị thành niên, cần áp dụng các quy định của pháp luật đối với vị thành niên phạm tội cho bị cáo. Bị cáo Trần Ngọc H2 gia đình bị cáo đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; bị cáo đã tích cực tham gia cứu hộ, cứu trợ trong các đợt bão lũ và các hoạt động khác ở địa phương đang sinh sống, đây là các tình tiết quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Hoàng Cảnh L6 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là các tình tiết quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội khi đang ở độ tuổi vị thành niên, cần áp dụng các quy định của pháp luật đối với vị thành niên phạm tội cho bị cáo. Bị cáo Phạm Quốc K phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, đây là các tình tiết quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Về áp dụng hình phạt đối với các bị cáo: Căn cứ vào vai trò, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội gây ra, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, HĐXX thấy: Các bị cáo Nguyễn Thời P, Mai Phúc V, Nguyễn Văn Nhật T3, Trần Ngọc H2, Phạm Quốc K cũng là người đã thành niên, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự, cho các bị cáo được cải tạo, giáo dục tại địa phương là đúng mức, đủ nghiêm và phù hợp với Viện kiểm sát đề nghị. Các bị cáo Trần Hải N và Hoàng Cảnh L6 là người tích cực thực hiện hành vi gây rối nhưng tại thời điểm phạm tội đều là người chưa đủ 18 tuổi nên sự nhận thức và hiểu biết pháp luật còn hạn chế, sự nhận thức về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội chưa đầy đủ, đều có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt. Do đó, HĐXX áp dụng những quy định về xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội quy định Điều 90, Điều 91 của Bộ Luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, cho các bị cáo được cải tạo, giáo dục tại địa phương là đủ nghiêm, thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

[8] Đối với việc ấn định thời gian thử thách đối với các bị cáo là người chưa đủ 18 tuổi bị xử phạt tù cho hưởng án treo, theo quy định tại Điều 124 Luật Tư pháp người chưa thành niên thì *“Khi xử phạt tù không quá 03 năm, căn cứ vào nhân thân của người chưa thành niên phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, nếu xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù thì Tòa án cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách từ 01 năm đến 03 năm và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự”*. Đây là quy định mới theo hướng có lợi cho người chưa thành niên phạm tội so với quy định của Bộ luật hình sự hiện hành. Theo quy định tại khoản 2 Điều 179 của Luật Tư pháp người chưa thành niên thì quy định có lợi này có hiệu lực áp dụng kể từ ngày luật này được công bố là ngày 02/12/2024 theo Lệnh số 30/2024/L-CTN của Chủ tịch N1. Do đó, cần áp dụng các

quy định tại Điều 124 và khoản 2 Điều 179 của Luật Tư pháp người chưa thành niên đối với các bị cáo là người chưa đủ 18 tuổi bị xử phạt tù cho hưởng án treo.

[9 Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ một số vật chứng. Qua xem xét, Hội đồng xét xử quyết định xử lý số vật chứng này như sau: 01 tuýp sắt hình tròn, rỗng bên trong, chiều dài 150cm, đường kính 6,5cm; 01 con dao cán gỗ, lưỡi bằng kim loại dài 35cm, cán gỗ dài 11cm, lưỡi dao dài 22cm, phần nối giữa cán gỗ và lưỡi dao được làm bằng gỗ có khung tròn, nẹp bằng kim loại màu vàng dài 02cm, mặt lưỡi dao có khắc dòng chữ LONGKA 0983039063; 01 con dao cán gỗ lưỡi kim loại có chiều dài 41cm, cán gỗ dài 12cm, lưỡi kim loại dài 19cm, mặt lưỡi dao khắc dòng chữ KIWI - BRAND MADE IN THAILAN đây là hung khí các bị cáo dùng để gây rối, thuộc vật chứng của vụ án nhưng không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và các điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. 01 xe mô tô không biển kiểm soát, số khung RLHHC09016Y258972, số máy HC09E - 6258954 không phải phương tiện phạm tội cần trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Nhật T3 phù hợp với Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Các vấn đề khác:

Trong vụ án, quá trình điều tra xác định Nguyễn Xuân T6 là người chở T3 và H2 đến quán B2 sẽ xảy ra nguy cơ đánh nhau nhưng T6 vẫn chở đi. Tuy nhiên, hành vi của T6 chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, Cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ để xử lý hành chính theo quy định của pháp luật.

Trần Hải N bị Nguyễn Thời P, Mai Phúc V, Hoàng Cảnh L6 đánh gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 09%. Tuy nhiên, Trần Hải N đã có đơn đề nghị không khởi tố vụ án hình sự đối với tội Cố ý gây thương tích..

Trong vụ án có đối tượng là người dưới 18 tuổi nhưng đến thời điểm xét xử đã trên 18 tuổi nên không áp dụng quy định về biện pháp xử lý chuyển hướng theo quy định của Luật Tư pháp người chưa thành niên.

Vụ án xảy ra ngày 01/11/2024, trước thời điểm Luật quản lý vũ khí, vật liệu nổ và Công cụ hỗ trợ có hiệu lực pháp luật, nên không xem xét về tội: Chế tạo tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự quy định tại Điều 304 Bộ luật Hình sự đối với hung khí là dao để gây án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Thời P, Mai Phúc V, Nguyễn Văn Nhật T3, Trần Ngọc H2.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 90, Điều 91, Điều 101 của Bộ Luật hình sự; Điều 124 và khoản 2 Điều 179 của Luật Tư pháp người chưa thành niên đối với bị cáo Trần Hải N;

Căn cứ khoản 1 Điều 318, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 90, Điều 91, Điều 101 của Bộ Luật hình sự; Điều 124 và khoản 2 Điều 179 của Luật Tư pháp người chưa thành niên đối với bị cáo Hoàng Cảnh L6;

Căn cứ khoản 1 Điều 318, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Phạm Quốc K;

Căn cứ khoản 2 Điều 136; điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; các điểm a, c khoản 2 Điều 106, Điều 292 và Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21, 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1 Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thời P, Mai Phúc V, Nguyễn Văn Nhật T3, Trần Ngọc H2, Trần Hải N, Hoàng Cảnh L6 và Phạm Quốc K phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” theo Điều 318 Bộ luật hình sự.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thời P 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 23/3/2026.

- Xử phạt bị cáo Mai Phúc V 27 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 54 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 23/3/2026.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Nhật T3 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 23/3/2026.

- Xử phạt bị cáo Trần Ngọc H2 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 23/3/2026.

- Xử phạt bị cáo Trần Hải N 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 23/3/2026.

- Xử phạt bị cáo Phạm Quốc K 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 23/3/2026.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Cảnh L6 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 23/3/2026.

Giao các bị cáo Nguyễn Thời P, Nguyễn Văn Nhật T3, Trần Ngọc H2 và Trần Hải N cho Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Quảng Trị giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã T, tỉnh Quảng Trị giám sát, giáo dục các bị cáo.

Giao các bị cáo Mai Phúc V, Hoàng Cảnh L6 và Phạm Quốc K cho Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Quảng Trị giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã L, tỉnh Quảng Trị giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92, Điều 93 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Xử lý vật chứng:

- Tiêu hủy 01 tuýp sắt hình tròn, rỗng bên trong, chiều dài 150cm, đường kính 6,5cm; 01 con dao cán gỗ, lưỡi bằng kim loại dài 35cm, cán gỗ dài 11cm, lưỡi dao

dài 22cm, phần nối giữa cán gỗ và lưỡi dao được làm bằng gỗ có khung tròn, nẹp bằng kim loại màu vàng dài 02cm, mặt lưỡi dao có khắc dòng chữ LONGKA 0983039063; 01 con dao cán gỗ lưỡi kim loại có chiều dài 41cm, cán gỗ dài 12cm, lưỡi kim loại dài 19cm, mặt lưỡi dao khắc dòng chữ KIWI - BRAND MADE IN.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Nhật T3 01 xe mô tô không biển kiểm soát, số khung RLHHC09016Y258972, số máy HC09E - 6258954.

Vật chứng nêu trên có tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 4, tỉnh Quảng Trị theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/10/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q và Phòng thi hành án dân sự khu vực 4, tỉnh Quảng Trị.

4. Án phí: Các bị cáo Nguyễn Thời P, Mai Phúc V, Nguyễn Văn Nhật T3, Trần Ngọc H2, Trần Hải N, Hoàng Cảnh L6 và Phạm Quốc K phải chịu mỗi bị cáo 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (23/3/2026); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử lại theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 4;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Trị (02 bản);
- Phòng THADS khu vực 4;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã nơi các bị cáo cư trú;
- LưuVP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Mạnh Cường